

# PHẬT THUYẾT TU MA ĐỀ BỒ TÁT KINH

*Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 335*

**Hán dịch: Cư-ma-la-thập**  
**Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền**  
**Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (02-2007)**  
**Biên tập : Thích Phước Nghiêm**



**Tuệ Quang Wisdom Light Foundation**

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)

佛說須摩提菩薩經

Phật thuyết Bồ-tát Tu-ma-đề Kinh

Phật Thuyết Bồ-tát Tu-ma-đề Kinh

姚秦三藏鳩摩羅什譯

Diêu Tần Tam Tạng Cưu Ma La Thập dịch

Tam tạng Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Diêu Tần

聞如是。一時佛在羅閱祇耆闍崛山中。

văn như thị。nhất thời Phật tại la duyệt kì Kì đồ Quạt sơn trung。

Nghe như vậy, một thửa đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quạt thuộc nước La-duyệt-kỳ。

與大比丘眾千二百五十人菩薩萬人俱。

dữ Đại bi khâu chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân Bồ-tát vạn nhân câu。

cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo và một vạn Bồ-tát đều hội họp。

爾時羅閱祇大國有長者號曰優迦。

nhĩ thời la duyệt kì Đại quốc hữu Trưởng-Giả hiệu viết Ưu-ca。

Lúc bấy giờ nước La-duyệt-kỳ có vị trưởng giả tên là Ưu-ca。

優迦有女名須摩提。厥年八歲。

Ưu-ca hữu nữ danh Tu-ma-đề。quyết niên bát tuế。

Ưu-ca có con gái tên là Tu-ma-đề mới có tám tuổi,

歷世奉敬過去無數百千諸佛。積累功德不可勝計。時須摩提。

lịch thế phụng kính quá khứ vô số bách thiên chu Phật。tích luy công đức bất khả thắng kể。thời Tu-ma-đề。

mà đã cung kính cúng dường vô số trăm ngàn chu Phật trong quá khứ, tích chứa công đức không thể tính đến。Bấy giờ Tu-ma-đề

從羅閱祇大國出詣耆闍崛山行到佛所。

tòng la duyệt kì Đại quốc xuất nghệ Kì đồ Quạt sơn hành đáo Phật sở。

từ nước La-duyệt-kỳ đến núi Kỳ-xà-quạt và đến trước Phật,

前以頭面稽首佛足。禮畢即却在一面。

tiền dĩ đầu diện kê thủ Phật túc。lễ tất túc khuớc tại nhất diện。

đem đầu mặt lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên。

以一心而往。叉手白佛。願欲有所問。唯多陀竭。

dĩ nhất tâm nhi vãng。xoá thủ bạch Phật。nguyện dục hữu sở vấn。duy đa đà kiệt。

chấp tay nhất tâm bạch Phật rằng: Con có chỗ muốn hỏi, xin đức Như Lai

以方便解脫我之所疑。時佛默然即知女意。

dĩ phương tiện giải thoát ngã chi sở nghi。thời Phật mặc nhiên túc tri nữ ý。

dùng phương tiện để giải tỏa nghi ngờ cho con。Bấy giờ đức Phật yên lặng biết ý Phật ngữ須摩提。恣所欲問。

Phật ngữ Tu-ma-đề。tứ sở dục vấn。

rồi bảo Tu-ma-đề rằng: Tùy theo chỗ người hỏi

多陀竭今當為汝具解說之。事事分別令汝歡喜。須摩提問佛言。

đa đà kiệt kim đương vi nhữ cụ giải thuyết chi。sự sự phân biệt lệnh nhữ hoan hi。Tu-ma-đề vấn Phật ngôn。

nay Như Lai sẽ giải thích cho người rành rẽ khiến được hoan hỷ。Tu-ma-đề bạch Phật rằng:

菩薩云何所生人見之常歡喜。

Bồ-tát vân hà sở sanh nhân kiến chi thường hoan hi。

Bồ-tát làm thế nào mà khi sanh ra mọi người thấy đều hoan hỷ

云何得大富有常多財寶。云何不為他人之所別離。

vân hà đắc Đại phú hữu thường đa tài bảo °vân hà bất vi tha nhân chi sở biệt ly °

**làm sao được giàu sang thường có nhiều của báu, làm sao không bị người khác xa lìa**

云何不在母人腹中 °

vân hà bất tại mẫu nhân phúc trung °

**Làm thế nào để không sanh ra từ thai mẹ?**

常得化生千葉蓮華中立法王前 °云何得神足 °從不可計億刹土 °

thường đắc hóa sanh thiên diệp liên hoa trung lập Pháp Vương tiền °vân hà đắc Thần túc °tòng bất khả kể ức sát độ °

**Thường hóa sanh trong hoa sen ngàn cánh ở trước đấng Pháp Vương. Tại sao được thần túc? Từ vô lượng ức cõi nước**

去到彼問禮事諸佛 °云何得無仇怨無侵嫉者 °

khứ đáo bỉ vấn lễ sự chư Phật °vân hà đắc vô cừ oán vô xâm tật giả °

**đi đến mọi nơi để đánh lễ chư Phật. Làm sao được không ai thù oán ganh ghét?**

云何所說語言 °聞者信從踊躍受行 °

vân hà sở thuyết ngữ ngôn °văn giả tín tòng dũng dục thọ hành °

**Làm sao mà nói ra khiến người nghe tin hiểu vui mừng thực hành?**

云何得無殃罪 °所作善行無能壞者 °

vân hà đắc vô ương tội °sở tác thiện hành vô năng hoại giả °

**Làm sao không có tội, chỗ làm việc thiện thì không thể hoại diệt?**

云何魔不能得其便 °云何臨壽終時 °佛在前立為說經法 °

vân hà ma bất năng đắc kỳ tiện °vân hà lâm thọ chung thời °Phật tại tiền lập vi thuyết Kinh Pháp °

**Làm sao mà loài ma không thể làm hại, làm sao mà đến lúc lâm chung có Phật đứng trước mặt thuyết kinh pháp,**

即令不墮苦痛之處 °所問如是 °

tức lệnh bất đọa khổ thống chi xứ °sở vấn như thị °

**khiến không đọa vào nơi khổ sở. Con hỏi những việc là như vậy.**

是時佛語須摩提 °如汝所問多陀竭義 °

thị thời Phật ngữ Tu-ma-đề °như nữ sở vấn đa đà kiệt nghĩa °

**Bấy giờ Phật bảo Tu-ma-đề: Như lời người hỏi ở Như Lai.**

善哉大快乃如是乎 °汝若欲聞 °諦聽諦受勤思念之 °

Thiện tai Đại khoái nãi như thị hồ °nữ nhược dục văn °để thính để thọ tinh cần tu niệm chi °

**Lành thay, tốt đẹp như vậy, nếu người muốn nghe thì nên lắng nghe kỹ và khéo tiếp nhận suy nghĩ,**

吾當解說 °時女即言甚善 °世尊願樂欲聞 °

ngô đương giải thuyết °thời nữ tức ngôn thậm thiện °Thế tôn nguyện lạc dục văn °

**Ta sẽ giải thích. Tu-ma-đề thưa: Bạch Thế Tôn, con xin muốn nghe.**

於是須摩提 °受教而聽 °佛言 °菩薩有四事法 °

ư thị Tu-ma-đề °thọ giáo nhi thính °Phật ngôn °Bồ-tát hữu tứ sự Pháp °

**Rồi Tu-ma-đề tiếp nhận lắng nghe. Phật dạy: Bồ-tát có bốn pháp**

人見之皆歡喜 °何等為四 °一者瞋恚不起 °

nhân kiến chi giai hoan hỷ °hà đẳng vi tứ °nhất giả sân khủ bất khởi °

**khiến mọi người thấy đều sanh hoan hỷ. Thế nào là bốn? Một là, không khởi sân giận.**

視怨家如善知識 °二者常有慈心向於一切 °

thị oán gia như thiện tri thức °nhị giả thường hữu từ tâm hướng ư nhất thiết °

**Thấy người oán xem như thiện tri thức. Hai là, thường có tâm từ bi hướng đến tất cả.**

三者常行求索無上要法 °四者作佛形像 °是為四法 °

tam giả thường hành cầu tác vô thượng yếu Pháp °tứ giả tác Phật hình tượng °thị vi tứ Pháp °

Ba là thường cầu pháp vô thượng. Bốn là tạo hình tượng Phật. Đó là bốn pháp.菩薩用是事故。人見之常歡喜。

Bồ-tát dụng thị sự cố °nhân kiến chi thường hoan hỷ °

Bồ-tát thường dùng pháp này nên khiến mọi người thấy đều hoan hỷ.

佛於是說偈言 °

Phật ư thị thuyết kệ ngôn °

Rồi Phật nói bài kệ rằng:

不起恚毀本根

常行慈得要法

Bất khởi khuê hủy bản căn

Thường hành từ đắc yếu Pháp

Không sân giận làm mất căn lành

Thường hành từ bi đắc pháp yếu

作佛像身好潔

心歡喜人喜見

Tác Phật tượng thân hảo khiết

Tâm hoan hỷ nhân hỷ kiến

Tạo tượng Phật thân tướng trang nghiêm Tâm hoan hỷ ai thấy cũng vui

佛語須摩提 °菩薩復有四事法 °得大富有 °

Phật ngữ Tu-ma-đề °Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp °đắc Đại phú hữu °

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp khiến được giàu sang.

何等為四 °一者布施以時 °二者與已倍悅 °

hà đẳng vi tứ °nhất giả bố thí dĩ thời °nhị giả dĩ dĩ bội duyệt °

Thế nào là bốn? Một là luôn bố thí. Hai là cho rồi càng vui

三者與後不復悔 °四者既與不求其報 °是為四事 °

tam giả dĩ hậu bất phục hối °tứ giả ký dĩ bất cầu kỳ báo °thị vi tứ sự °

Ba là cho rồi sau không hối hận. Bốn là đã cho thì không cầu quả báo. Đó là bốn việc.

菩薩用是四事故 °得大富有 °

Bồ-tát dụng thị tứ sự cố °đắc Đại phú hữu °

Bồ-tát dùng bốn pháp này nên được giàu sang

佛於是說偈言 °

Phật ư thị thuyết kệ ngôn °

Rồi Phật nói bài kệ rằng:

以時施無悔心

喜悅與無悵望

Dĩ thời thí vô hối tâm

Hỷ duyệt dĩ vô hi vọng

Luôn bố thí tâm không hối hận

Cho rồi hoan hỷ không cầu đáp

所作施有勇慧

在所處常大富

Sở tác thí hữu dũng tuệ

Tại sở xử thường Đại phú

Việc bố thí có trí dũng mãnh

Sanh ra nơi nào cũng giàu sang

佛語須摩提 °菩薩復有四事法 °

Phật ngữ Tu-ma-đề °Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp °

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp

不為他人之所別離 °何等為四 °一者不傳惡說鬪亂彼此 °

bất vi tha nhân chi sở biệt ly °hà đẳng vi tứ °nhất giả bất truyện ác thuyết đấu loạn bi thù °

không bị người khác xa lìa. Thế nào là bốn? Một là không nói xấu qua lại khiến hai bên đấu tranh

二者導愚冥者使人佛道 °

nhị giả đạo ngu minh giả sử nhập Phật đạo °

Hai là dẫn dắt người ngu khiến thâm nhập Phật đạo

三者若有毀敗正法護使不絕 °

tam giả nhược hữu hủy bại chánh Pháp hộ sử bất tuyệt °

Ba là nếu chánh pháp bị hủy hoại thì hộ trì khiến không dứt tuyệt

四者勸勉諸人教使求佛令堅不動 °是為四法 °菩薩用是四事故 °

tứ giả khuyến miễn chu nhân giáo sử cầu Phật lệnh kiên bất động ° thị vi tứ Pháp ° Bồ-tát dụng thị tứ sự cố °

Bốn là khuyến khích mọi người tinh tấn cầu quả Phật kiên trì bất động. Đó là bốn pháp, Bồ-tát do dùng bốn pháp này

不為他人之所別離。佛於是說偈言。

bất vi tha nhân chi sở biệt ly ° Phật ư thị thuyết kệ ngôn °

nên không bị người khác xa lìa. Rồi Phật nói bài kệ rằng:

不傳說鬪彼此	導愚冥護正法
Bất truyện thuyết đấu bỉ thử	Đạo ngu minh hộ chánh Pháp
Không nói xấu qua lại hai bên	Dẫn dắt người ngu vào chánh pháp
勸進人使求佛	終無能別離者
Khuyến tiến nhân sử cầu Phật	Chung vô năng biệt ly giả
Tinh tấn khuyến người cầu quả Phật	Mãi không bị người khác xa lìa

佛語須摩提。菩薩復有四事法。

Phật ngữ Tu-ma-đề ° Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp °

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp

得化生千葉蓮華中立法王前。何等為四。

đắc hóa sanh thiên diệp liên hoa trung lập Pháp Vương tiền ° hà đẳng vi tứ ° nên được hóa sanh trong hoa sen ngàn cánh ở trước đấng pháp vương. Thế nào là bốn?

一者細擣優鉢華。波曇華。拘文華。分陀利華。

nhất giả tế đảo ưu bát hoa ° ba đàm hoa ° câu văn hoa ° phân đà lợi hoa °

Một là xay nhỏ hoa Ưu bát, hoa Ba Đàm, hoa Câu Văn, hoa Phân Đà Lợi,

令此四種末之如塵使滿句蟲。持是供養世尊若塔及舍利。

lệnh thử tứ chủng mạt chi như trần sử mãn cú trùng ° trì thị cung dưỡng Thế tôn nhục tháp cập xá-lợi °

khiến bốn thứ hoa này nhỏ như bụi rồi đem cúng dường tháp và xá lợi của Phật ° 二者不令他人起恚意。

nhị giả bất lệnh tha nhân khởi khuể ý °

Hai là không khiến người khác khởi sân giận

三者作佛像使坐蓮華上。四者得最上覺便勸喜住。是為四法。

tam giả tác Phật tượng sử tọa liên hoa thượng ° tứ giả đắc tối thượng giác tiện khuyến hi trụ ° thị vi tứ Pháp °

Ba là tạo tượng Phật ngồi trên hoa sen. Bốn là đắc tối thượng giác liền khiến người hoan hỷ. Đó là bốn pháp

菩薩用是四事故。

Bồ-tát dụng thị tứ sự cố °

Bồ-tát dùng bốn pháp này

化生千葉蓮華中立法王前。佛於是說偈言。

hóa sanh thiên diệp liên hoa trung lập Pháp Vương tiền ° Phật ư thị thuyết kệ ngôn °

nên được hóa sanh trong hoa sen ngàn cánh ở trước đấng pháp vương. Rồi Phật nói bài kệ rằng:

施四華滿句蟲	除恚恨受法義
Thí tứ hoa mãn cú trùng	Trừ khuể hận thọ Pháp nghĩa
Dùng bốn thứ hoa cúng dường Phật	Trừ bỏ sân giận cho người khác
得上覺立佛前	作形像生華中
Đắc thượng giác lập Phật tiền	Tác hình tượng sanh hoa trung
Đắc tối thượng giác ở trước Phật	Tạo tượng Phật, được sanh hoa sen.

佛語須摩提。菩薩復有四事法得神足。

Phật ngữ Tu-ma-đề ° Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp đắc Thần túc °

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp nên được thần túc

從一佛國至一佛國。何等為四。

tòng nhất Phật quốc chí nhất Phật quốc。hà đẳng vi tứ。

**đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Thế nào là bốn?**

一者見人作功德不行斷絕。二者見人說法而不中止。

nhất giả kiến nhân tác công đức bất hành đoạn tuyệt。nhị giả kiến nhân thuyết Pháp nhi bất trung chí。

**Một là thấy người làm việc công đức không làm dứt đoạn. Hai là thấy người thuyết pháp không làm cho dừng lại**

三者常然燈火於塔寺中。四者求三昧。是為四法。

tam giả thường Nhiên-Đẳng hỏa ư tháp tự trung。tứ giả cầu tam muội。thị vi tứ Pháp。

**Ba là thường đốt đèn trong chùa tháp. Bốn là cầu tam muội. Đó là bốn pháp**  
菩薩用是四事故。

Bồ-tát dụng thị tứ sự cố。

**Bồ-tát thường dùng bốn pháp này**

得神足從一佛國復至一佛國。佛於是說偈言。

đắc Thần túc tòng nhất Phật quốc phục chí nhất Phật quốc。Phật ư thị thuyết kệ ngôn。

**nên được thần túc đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Rồi Phật bèn nói bài kệ rằng**

行功德為法施

聞經說不中止

Hành công đức vi Pháp thí

Văn Kinh thuyết bất trung chí

**Khen ngợi người làm việc công đức**

**Nghe thuyết pháp không khiến dừng lại**

常然燈於佛寺

人三昧遍諸國

Thường Nhiên-Đẳng ư Phật tự

Nhập tam muội biến chư quốc

**Thường đốt đèn trong chùa tháp Phật**

**Nhập tam muội đi khắp cõi nước**

佛語須摩提。菩薩復有四事法。

Phật ngữ Tu-ma-đề。Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp。

**Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp**

得無仇怨無侵嫉者。何等為四。

đắc vô cừ oán vô xâm tạt giả。hà đẳng vi tứ。

**Không bị ai thù oán ganh ghét. Thế nào là bốn?**

一者於善知識無論諂心。二者不慳惜貪他人財物。

nhất giả ư thiện tri thức vô dụ siểm tâm。nhị giả bất khan tích tham tha nhân tài vật。

**Một là khéo hiểu rõ mọi việc, không có tâm đua nịnh dèm pha. Hai là không bòn xén, không tham tài vật của người khác**

三者見人布施助其喜。四者見菩薩諸所作為不誹謗。

tam giả kiến nhân bố thí trợ kỳ hỷ。tứ giả kiến Bồ-tát chư sở tác vi bất phi báng。

**Ba là thấy người bố thí liền tùy hỷ. Bốn là thấy các việc Bồ-tát là không sanh phi báng**

是為四法。菩薩用是四事故。

thị vi tứ Pháp。Bồ-tát dụng thị tứ sự cố。

**Đó là bốn pháp. Bồ-tát thường dùng bốn pháp này**

常行是行得無仇怨無侵嫉者。佛於是說偈言。

thường hành thị hành đắc vô cừ oán vô xâm tạt giả。Phật ư thị thuyết kệ ngôn。

**nên khi làm các việc không bị người thù oán ganh ghét. Rồi Phật nói bài kệ rằng:**

於善友無論諂

不慳惜他人物

Ư thiện hữu vô dụ siểm

Bất khan tích tha nhân vật

**Không đua nịnh dèm pha bạn lành**

**Không bòn xén, không tham tài vật**

見人施助其喜

行菩薩無仇怨

Kiến nhân thí trợ kỳ hi

Thấy người bố thí liền hoan hỷ

佛語須摩提。菩薩復有四事法。

Phật ngữ Tu-ma-đề。Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp。

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn việc

其所語言聞者信從踊躍受行。何等為四。

kỳ sở ngữ ngôn văn giả tín tòng dũng đượ thọ hành。hà đẵng vi tứ。

**khiến nói lời gì cũng được người tin ưa hoan hỷ thực hành. Thế nào là bốn pháp?**

一者口之所說心亦無異。二者於善知識常有至誠。

nhất giả khẩu chi sở thuyết tâm diệc vô dị。nhị giả ư thiện tri thức thường hữu chí thành。

**Một là tâm suy nghĩ và miệng nói không khác nhau. Hai là có tâm chí thành đối với thiện tri thức**

三者聞人說法不言是非。

tam giả văn nhân thuyết Pháp bất ngôn thị phi。

**Ba là nghe người thuyết pháp không bàn luận phải trái**

四者若見他人請令說經不求其短。是為四法。菩薩用是四事故。

tứ giả nhược kiến tha nhân thỉnh lệnh thuyết Kinh bất cầu kỳ đoản。thị vi tứ

Pháp。Bồ-tát dụng thị tứ sự cố。

**Bốn là thấy người khác thỉnh thuyết kinh thì không nói chỗ dở của họ. Đó là bốn pháp. Bồ-tát dùng bốn pháp này**

其所語言聞者信從踊躍受行。佛於是說偈言。

kỳ sở ngữ ngôn văn giả tín tòng dũng đượ thọ hành。Phật ư thị thuyết kệ ngôn。  
**khiến nói lời gì cũng được người tin ưa vui vẻ thực hành. Rồi Phật nói bài kệ rằng:**

如所念言亦爾

Như sở niệm ngôn diệc nhĩ

Lời nói và tâm nghĩ như nhau

講法不求短

Văn giảng Pháp bất cầu đoản

**Nghe pháp không nói lời tốt xấu**

佛語須摩提。菩薩復有四事法。得無殃罪。

Phật ngữ Tu-ma-đề。Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp。đắc vô ương tội。

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp khiến không có tội

所作善行疾得淨住。何等為四。

sở tác thiện hành tật đắc tịnh trụ。hà đẵng vi tứ。

**Chỗ làm việc thiện nhanh chóng trụ nơi thanh tịnh. Thế nào là bốn?**

一者心意所念常志於善。二者常持戒三昧智慧。

nhất giả tâm ý sở niệm thường chí ư thiện。nhị giả thường trì giới tam muội trí tuệ。

**Một là tâm ý thường nghĩ việc thiện Hai là thường hành trì giới định huệ**

三者初發菩薩意。便起一切智。多所度脫。

tam giả sơ phát Bồ-tát ý。tiện khởi nhất thiết trí。đa sở độ thoát。

**Ba là lúc mới phát bồ đề tâm liền khởi nhất thiết trí độ thoát nhiều người**

四者常有大慈愍於一切。是為四法。菩薩用是四事故。

tứ giả thường hữu Đại từ mẫn ư nhất thiết。thị vi tứ Pháp。Bồ-tát dụng thị tứ sự cố。

**Bốn là thường có tâm từ bi lớn đối với tất cả vật. Đó là bốn pháp. Bồ-tát dùng bốn pháp này**

得滅無殃罪疾得淨住。佛於是說偈言。

đắc diệt vô ương tội tật đắc tịnh trụ。Phật ư thị thuyết kệ ngôn。

**ên không có tội lỗi, thường trụ nơi thanh tịnh. Rồi Phật nói bài kệ rằng:**

常志善念廣度

Thường chí thiện niệm quảng độ  
Tâm nghĩ việc thiện rộng độ khắp

常教人一切智

Thường giáo nhân nhất thiết trí  
Thường dùng nhất thiết trí độ người

佛語須摩提。菩薩復有四事法。

Phật ngữ Tu-ma-đề。Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp。

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp

魔不能得其便。何等為四。一者常念於佛。二者常精進。

ma bất năng đắc kỳ tiện。hà đẳng vi tứ。nhất giả thường niệm ư Phật。nhị giả thường tinh tiến。

khiến ma không thể là hại. Thế nào là bốn pháp? Một là thường tưởng nhớ Phật. hai là thường tinh tấn

三者常念經法。四者常立功德。是為四法。

tam giả thường niệm Kinh Pháp。tứ giả thường lập công đức。thị vi tứ Pháp。

Ba là hường niệm kinh pháp. Bốn là thường làm các công đức. Đó là bốn pháp

菩薩用是四事故。魔不能得其便。

Bồ-tát dụng thị tứ sự cố。ma bất năng đắc kỳ tiện。

Bồ-tát dùng bốn pháp này nên ma không thể làm hại。

佛於是說偈言。

Phật ư thị thuyết kệ ngôn。

Rồi Phật nói bài kệ rằng:

常喜意念於佛

Thường hỉ ý niệm ư Phật

Thường hoan hỷ tưởng nhớ niệm Phật

自勗勉立功德

Tự húc miễn lập công đức

Tự cố gắng làm các công đức

佛語須摩提。菩薩復有四事法。臨壽終時。

Phật ngữ Tu-ma-đề。Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp。lâm thọ chung thời。

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát lại có bốn pháp khiến lúc lâm chung

佛在前立為說經法。令不墮苦痛處。何等為四。

Phật tại tiền lập vi thuyết Kinh Pháp。lệnh bất đọa khổ thống xứ。hà đẳng vi tứ。

Có Phật ở trước mặt thuyết kinh pháp khiến không rơi vào đường khổ. Thế nào là bốn pháp?

一者為一切人故。具滿諸願。二者若人布施。

nhất giả vi nhất thiết nhân cố。cụ mãn chư nguyện。nhị giả nhược nhân bố thí。

Một là làm cho mọi người được mãn nguyện. Hai là có người bố thí

諸不足者念欲足之。三者見人雜施。

chư bất túc giả niệm dục túc chi。tam giả kiến nhân tạp thí。

chưa đủ thì là cho đầy đủ. Ba là thấy người khác bố thí

若有短少便裨助之。四者常念供養於三寶。

nhược hữu đoản thiếu tiện bì trợ chi。tứ giả thường niệm cung dưỡng ư Tam Bảo。

Có gì thiếu sót liền giúp đỡ họ. Bốn là thường suy nghĩ cúng dường Tam Bảo.

是為四法。菩薩用是四事故。臨壽終時。

thị vi tứ Pháp。Bồ-tát dụng thị tứ sự cố。lâm thọ chung thời。

Đó là bốn pháp. Bồ-tát dùng bốn pháp này nên đến lúc lâm chung

即見諸佛皆在前立為說經法。不令其人墮苦痛處。

tức kiến chư Phật giai tại tiền lập vi thuyết Kinh Pháp。bất lệnh kỳ nhân đọa khổ thống xứ。

thấy chư Phật ở trước mặt thuyết pháp không khiến đọa vào đường khổ。

戒等定不離慧

Giới đẳng định bất ly tuệ

Thường hành trì giới định và tuệ

行慈意得淨住

Hành từ ý đắc tịnh trụ

Thực hành từ bi được thanh tịnh

戒等定不離慧

Giới đẳng định bất ly tuệ

Thường hành trì giới định và tuệ

行慈意得淨住

Hành từ ý đắc tịnh trụ

Thực hành từ bi được thanh tịnh

戒等定不離慧

Giới đẳng định bất ly tuệ

Thường hành trì giới định và tuệ

行慈意得淨住

Hành từ ý đắc tịnh trụ

Thực hành từ bi được thanh tịnh

戒等定不離慧

Giới đẳng định bất ly tuệ

Thường hành trì giới định và tuệ

行慈意得淨住

Hành từ ý đắc tịnh trụ

Thực hành từ bi được thanh tịnh

戒等定不離慧

Giới đẳng định bất ly tuệ

Thường hành trì giới định và tuệ

行慈意得淨住

Hành từ ý đắc tịnh trụ

Thực hành từ bi được thanh tịnh

戒等定不離慧

Giới đẳng định bất ly tuệ

Thường hành trì giới định và tuệ

行慈意得淨住

Hành từ ý đắc tịnh trụ

Thực hành từ bi được thanh tịnh

戒等定不離慧

Giới đẳng định bất ly tuệ

Thường hành trì giới định và tuệ

行慈意得淨住

Hành từ ý đắc tịnh trụ

Thực hành từ bi được thanh tịnh

戒等定不離慧

Giới đẳng định bất ly tuệ

Thường hành trì giới định và tuệ

行慈意得淨住

Hành từ ý đắc tịnh trụ

Thực hành từ bi được thanh tịnh

戒等定不離慧

Giới đẳng định bất ly tuệ

Thường hành trì giới định và tuệ

行慈意得淨住



佛於是說偈言。

Phật u thị thuyết kệ ngôn。

Rồi đức Phật nói bài kệ rằng:

為一切滿所願

無極哀勸足檀

Vi nhất thiết mãn sở nguyện

Vô cực ai khuyến túc đàn

Làm cho chúng sanh được như nguyện

Độc lòng khuyến khích người bố thí

以雜施致點慧

供三寶得致佛

Dĩ tạp thí trí hiệt tuệ

Cung Tam Bảo đắc trí Phật

Luôn giúp đỡ những người bố thí

Thường suy nghĩ cúng dường Tam Bảo

爾時須摩提白佛言。唯世尊所說四十事。

nhĩ thời Tu-ma-đề bạch Phật ngôn。duy Thế tôn sở thuyết tứ thập sự。

Bây giờ Tu-ma-đề bạch Phật rằng: Đức Thế Tôn thuyết giảng bốn mươi pháp,

我當奉行令不缺減。悉使具足不違一事。

ngã đương phụng hành lệnh bất khuyết giảm。tất sử cụ túc bất vi nhất sự。

con sẽ phụng hành không để thiếu sót, cũng không làm trái pháp nào。

若失一事我為斷佛法滅眾弟子。

nhược thất nhất sự ngã vi đoạn Phật Pháp diệt chúng đệ-tử。

Nếu để sót một pháp tức là con đã là đoạn diệt đệ tử Phật。

是時長老摩訶目乾連在大會中坐。即問須摩提。

thị thời Trưởng Lão Ma-Ha Mục-Kiền-Liên tại Đại hội trung tọa。túc vấn Tu-ma-đề。

Bây giờ trưởng lão Ma Ha Mục Kiền Liên ngồi trong đại hội liền hỏi Tu-ma-đề:

此四十事大士所行菩薩所為。甚亦難當。

thử tứ thập sự Đại sĩ sở hạnh Bồ-tát sở vi。thậm diệc nan đương。

Bốn mươi pháp này là chỗ thực hành của Bồ-tát, rất khó gánh vác,

如汝小女何能辦之。時須摩提答目乾連言。

như nhữ tiểu nữ hà năng辦 chi。thời Tu-ma-đề đáp Mục-Kiền-Liên ngôn。

như người là người con gái nhỏ bé sao có thể là được? Tu-ma-đề thưa Mục Kiền Liên rằng:

假令我今審實能行此四十事者。

giả lệnh ngã kim thẩm thật năng hành thử tứ thập sự giả。

Giả sử nay tôi thật sự có thể thực hành bốn mươi pháp này,

三千大千國土皆當為我六反震動。兩於天華。

tam thiên Đại Thiên quốc thổ giai đương vi ngã lục phản chấn động。vũ u Thiên hoa。

thì ba ngàn đại thiên thế giới sẽ vì tôi mà chuyển động sáu lần, trời rưới mưa hoa

諸音樂器不鼓自鳴。須摩提適發是言。

chư âm lạc khí bất cổ tự minh。Tu-ma-đề thích phát thị ngôn。

các thứ âm thanh không đánh sẽ tự kêu。Lúc Tu-ma-đề vừa phát lời này

應時三千大千國土六反震動。即兩天華樂器即鳴。女語目乾連。

ứng thời tam thiên Đại Thiên quốc thổ lục phản chấn động。túc vũ Thiên hoa lạc

khí tức minh。nữ ngữ Mục-Kiền-Liên。

thì ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu lần, trời rưới mưa hoa, nhạc trời

tự trỗi lên。Ma Đề nói với Mục Kiền Liên:

是證明我之至誠。

thị chứng minh ngã chí chí thành。

Đây là chứng minh cho sự chí thành của tôi。

若未來有起菩薩意者亦當如是。

nhược vị lai hữu khởi Bồ-tát ý giả diệc đương như thị。

Nếu đời sau có người khởi tâm ý Bồ-tát thì cũng sẽ được như vậy。

我後亦當得多陀竭阿羅訶三耶三佛。信如我言。無有虛者。其在會者。

ngã hậu diệc đương đắc đa đà kiết a la ha tam da tam Phật °tín nhu ngã ngôn °vô hữu hu già °kỳ tại hội già °

về sau tôi cũng sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, người nào tin lời tôi nói không có hư dối, thì ở trong hội này

皆當一等悉作金色 °尋如所語輒作金色 °

giai đương nhất đẳng tất tác kim sắc °tâm nhu sở ngữ triếp tác kim sắc °

đều sẽ có thân sắc vàng như nhau, theo như lời nói liền có thân sắc vàng

於是目乾連即從座起 °正衣服下右膝叉手 °

ư thị Mục-Kiên-Liên tức tùng tọa khởi °chánh y phục hạ hữu tất xoa thủ °

Bấy giờ ngài Mục Kiền Liên từ chỗ ngồi đứng dậy sửa sang y phục, quỳ gối chấp tay

為佛稽首作禮 °前白佛言 °

vi Phật kê thủ tác lễ °tiền bạch Phật ngôn °

cúi đầu làm lễ mà bạch Phật rằng:

今諸一切初發大意为菩薩者 °我當自歸為之作禮 °所以者何 °

kim chư nhất thiết sơ phát Đại ý vi Bồ-tát già °ngã đương tự quy vi chi tác lễ °sở dĩ già hà °

Nay đây tất cả mọi người phát tâm lớn làm Bồ-tát, thì con sẽ quy y làm lễ họ. Tại sao nu vậy?

八歲女子感應如此 °豈況高士摩訶薩乎 °

bát tuế nữ tử cảm ứng như thử °khởi huống cao sĩ Ma-Ha tát hồ °

Vì người nữ có tám tuổi mà còn cảm ứng được như vậy, huống là những bậc trưởng lão đức hạnh?

是時座中有大菩薩名文殊師利 °謂須摩提言 °

thị thời tọa trung hữu Đại Bồ-tát danh Văn-thù-su-lợi °vi Tu-ma-đề ngôn °

Bấy giờ trong đại hội có vị Bồ-tát Văn-thù-su-lợi hỏi Tu-ma-đề rằng:

於何法住 °所現感應乃如是乎 °須摩提答言 °

ư hà Pháp trụ °sở hiện cảm ứng nãi như thị hồ °Tu-ma-đề đáp ngôn °

Người trụ nơi pháp nào mà được cảm ứng như vậy? Tu-ma-đề đáp:

諸法不可計數亦無所住 °而仁問我住於何法 °

chư Pháp bất khả kế số diệc vô sở trụ °nhi nhân vấn ngã trụ ư hà Pháp °

các pháp không thể tính đến cũng không chỗ trú, mà đại nhân hỏi tôi trụ nơi pháp nào,

仁作是問不如不問 °文殊師利問須摩提言 °

nhân tác thị vấn bất như bất vấn °Văn-thù-su-lợi vấn Tu-ma-đề ngôn °

ngài hỏi lời này cũng như không hỏi. Văn-thù-su-lợi hỏi Tu-ma-đề rằng:

此語云何乃至於斯乎 °須摩提報文殊師利言 °

thử ngữ vân hà nãi chí ư tu hồ °Tu-ma-đề báo Văn-thù-su-lợi ngôn °

Lời này là như thế nào? Tu-ma-đề thưa Ngài Văn-thù-su-lợi rằng:

不於諸法有所住 °亦無所疑亦不言是非 °

bất ư chư Pháp hữu sở trụ °diệc vô sở nghi diệc bất ngôn thị phi °

Không ở nơi các pháp mà có chỗ trú, không có chỗ nghi, cũng không nói là đúng sai

文殊師利問須摩提言 °如來本不作行乎 °

Văn-thù-su-lợi vấn Tu-ma-đề ngôn °Nhu-Lai bản bất tác hành hồ °

Vả Thù Sư Lợi hỏi Tu-ma-đề: Như Lai vốn không là việc gì chẳng?

須摩提報言 °譬如月影現於水中 °

Tu-ma-đề báo ngôn °thí như nguyệt ảnh hiện ư thủy trung °

Tu Bồ đề đáp: Thí như bóng mặt trăng hiện ở trong nước

若夢野馬深山之響 °如來本行亦如是也 °

nhược mộng dã mã thâm sơn chi hưởng °Nhu-Lai bản hành diệc như thị dã °

như nằm mộng, như tiếng vang trong núi sâu, chỗ làm của Như Lai cũng như vậy.

文殊師利問須摩提。如仁所說。合會是事為能得佛不。

Văn-thù-su-lợi vấn Tu-ma-đề。như nhân sở thuyết。hợp hội thị sự vi năng đắc Phật bất。

Văn-thù-su-lợi hỏi Tu-ma-đề: Như lời người nói, hợp các việc này thì có thể đắc quả Phật không?

須摩提報言。云何仁者。謂癡點行三事異乎。

Tu-ma-đề báo ngôn。vân hà nhân giả。vị si hiệt hành tam sự dị hồ。

Tu-ma-đề đáp: Ngài cho rằng ba việc đó có khác nhau chăng,

不為異也。一切一法諸法皆合。所以者何。

bất vi dị dã。nhất thiết nhất Pháp chu Pháp giai hợp。sở dĩ giả hà。

hay là không khác, tất cả các pháp đều hòa hợp. Tại sao như vậy?

若正法若不正法。適無所住亦無所取。

nhược chánh Pháp nhược bất chánh Pháp。thích vô sở trụ diệc vô sở thủ。

Hoặc chánh pháp hoặc không phải chánh pháp, đều không có chỗ trụ cũng không có chỗ lấy

亦無所收空無有色。文殊師利復問須摩提。

diệc vô sở thu không vô hữu sắc。Văn-thù-su-lợi phục vấn Tu-ma-đề。

cũng không có thân nhận, là trống không, không có sắc. Văn-thù-su-lợi hỏi Tu-ma-đề

解是義者為有幾人。須摩提報言。夫作幻者。

giải thị nghĩa giả vi hữu ki nhân。Tu-ma-đề báo ngôn。phu tác huyễn giả。

Có bao nhiêu người hiểu ý nghĩa này? Tu-ma-đề đáp: Luận rằng người làm ảo thuật恣意作化寧有限無。

tứ ý tác hóa ninh hữu hạn vô。

thì tùy ý hóa hiện không có hạn lượng

幻師所化猶尚無限信解此法亦如是也。文殊師利問須摩提言。

huyễn sư sở hóa do thượng vô hạn tín giải thử Pháp diệc như thị dã。Văn-thù-su-lợi vấn Tu-ma-đề ngôn。

chỗ hóa hiện ấy còn không có hạn, thì người tin hiểu pháp này cũng như vậy. Văn-thù-su-lợi hỏi Tu-ma-đề:

如我無化無幻起行。何法而與道合。

như ngã vô hóa vô huyễn khởi hành。hà Pháp nhi dữ đạo hợp。

Như tôi chỗ thực hành không có hóa hiện, không có huyễn hoặc, thì pháp nào hợp với đạo?

須摩提報言。如仁所說致為大快。

Tu-ma-đề báo ngôn。như nhân sở thuyết trí vi Đại khoái。

Tu-ma-đề đáp: Như lời ngài nói rất là vui sướng

一切法處亦不有亦不無。至於如來無合無散。

nhất thiết Pháp xứ diệc bất hữu diệc bất vô。chí u Như-Lai vô hợp vô tán。

tất cả pháp cũng không có cũng không phải không có, đến như chư Phật còn không có hợp, không có tan hoại

文殊師利聞彼所說甚悅讚善。文殊師利前白佛言。

Văn-thù-su-lợi văn bi sở thuyết thậm duyệt tán thiện。Văn-thù-su-lợi tiền bạch Phật ngôn。

Văn-thù-su-lợi nghe lời này rồi rất hoan hỷ và tán thán là tốt đẹp rồi bạch Phật rằng:

甚善須摩提所說自恣其意。微妙大可怪也。

thậm thiện Tu-ma-đề sở thuyết tự tứ kỳ ý。vi diệu Đại khả quái dã。

Lành thay! lời Tu-ma-đề nói là tùy ý, là vi diệu, cũng rất lạ lùng,

乃能深入逮得法忍。發意已來為幾何乎。

nãi năng thâm nhập đãi đắc Pháp nhẫn。phát ý dĩ lai vi ki hà hồ。

mới có thể thâm nhập pháp vô sanh nhẫn, từ khi phát tâm đến nay là bao nhiêu?

佛語文殊師利。是須摩提發阿耨多羅三耶三菩心。

Phật ngữ Văn-thù-su-lợi。thị Tu-ma-đề phát a nậu đa-la tam da tam bồ tâm。

**Phật bảo Văn-thù-su-lợi: Tu-ma-đề phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,**  
等住已來積不可計。先仁之前三十億劫。

đẳng trụ dĩ lai tích bất khả kế。tiên nhân chi tiền tam thập ức kiếp。

**từ khi phát tâm đến nay không thể tính đến, trước đây ba mươi ức kiếp**  
仁乃於彼發無上平等度意。

nhân nãi ư bỉ phát vô thượng bình đẳng độ ý。

**ông chính là ở nơi Tu-ma-đề mà phát tâm vô thượng bình đẳng**

適乃甫入無所從生法忍。是仁本造發意時師也。

thích nãi phủ nhập vô sở tòng sanh Pháp nhẫn。thị nhân bản tạo phát ý thời sư  
dã。

**nay mới thâm nhập pháp vô sanh nhẫn, Tu-ma-đề vốn là thầy khiến ông phát tâm**  
文殊師利聞佛所言則前作禮。白須摩提。

Văn-thù-su-lợi văn Phật sở ngôn tắc tiền tác lễ。bạch Tu-ma-đề。

**Văn-thù-su-lợi nghe Phật dạy liền đến trước làm lễ thưa với Tu-ma-đề rằng:**

惟別久遠今乃講侍。與師相見得受法誨。須摩提報言。

duy biệt cửu viễn kim nãi giảng thị。dữ sư tương kiến đắc thọ Pháp hồi。Tu-ma-đề  
báo ngôn。

**Cách biệt lâu xa nay mới được gần gũi, tôi được gặp thầy, được nghe chánh pháp**  
**Tu-ma-đề đáp:**

莫作是念。用何等故。無所從生法忍。

mạc tác thị niệm。dụng hà đẳng cố。vô sở tòng sanh Pháp nhẫn。

**Chớ nói lời như vậy, pháp vô sanh nhẫn là không do đâu sanh**

亦無所念亦無有師。文殊師利問言。云何不轉女人身。

diệc vô sở niệm diệc vô hữu sư。Văn-thù-su-lợi văn ngôn。vân hà bất chuyển nữ  
nhân thân。

**cũng không có chỗ niệm, cũng không có thầy. Văn-thù-su-lợi hỏi: Tại sao không**  
**chuyển thân người nữ?**

須摩提報言。於是無所得。所以者何。

Tu-ma-đề báo ngôn。ư thị vô sở đắc。sở dĩ giả hà。

**Tu-ma-đề đáp: Ở đó không có chỗ đắc, tại vì sao?**

法無男無女。今者我當斷仁所疑。文殊師利言。

Pháp vô nam vô nữ。kim giả ngã đương đoạn nhân sở nghi。Văn-thù-su-lợi ngôn。

**Pháp vốn là không nam không nữ, nay tôi sẽ đoạn trừ nghi ngờ cho ông. Văn-thù-**  
**su-lợi thưa:**

善哉樂欲聞之。須摩提謂文殊師利言。

Thiện tai lạc dục văn chi。Tu-ma-đề vị Văn-thù-su-lợi ngôn。

**Lành thay! Tôi ưa muốn nghe. Tu-ma-đề nói với Văn-thù-su-lợi rằng:**

如今我後不久。

như kim ngã hậu bất cửu。

**Như tôi chẳng bao lâu**

亦當逮得如來無所著等正覺成慧行安定世間父無上士道法御天人師佛天

diệc đương đắc như lai vô sở trụ đẳng chánh giác thành tuệ hành an định thế  
gian phụ Vô-thượng-Sĩ đạo Pháp ngự Thiên Nhơn Sư Phật Thiên

**sẽ được thân Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là bậc cha lành của thế**  
**gian, vô thượng sĩ, điều ngự trượng phu, thiên nhơn sư Phật Thế Tôn**

中天。如是審諦我今便當變為男子。

trung Thiên。như thị thẩm đế ngã kim tiện đương biến vi nam tử。

**Như vậy xét kỹ nay tôi sẽ biến thành người nam.**

適作是語。即成男子頭髮即墮。袈裟在身便作沙彌。

thích tác thị ngữ °túc thành nam tử đầu phát túc đọa °ca sa tại thân tiện tác sa di °

Vừa nói xong thì Tu-ma-đề liền thành người nam, thân mặc ca sa, tóc rụng xuống và thành bậc Sa-môn

須摩提復謂文殊師利言 °

Tu-ma-đề phục vị Văn-thù-su-lợi ngôn °

Tu-ma-đề nói với Văn-thù-su-lợi rằng:

審我來世當作佛時 °使我國中莫有三事 °何等為三 °一者魔事 °

thăm ngã lai thế đương tác Phật thời °sử ngã quốc trung mạc hữu tam sự °hà đẳng vi tam °nhất giả ma sự °

Đời sau lúc tôi thành Phật, thì trong nước tôi không có ba việc. Thế nào là ba?

Một là không có việc ma

二者泥犁 °三者女人態 °若我志誠 °

nhị giả nê lê °tam giả nữ nhân thái °nhuợc ngã chí thành °

Hai là không có ngục Nê Lê. Ba là không có thái độ như người nữ. Nếu tôi có tâm chí thành

我身當如年三十沙門 °時須摩提適作是語 °

ngã thân đương như niên tam thập Sa-môn °thời Tu-ma-đề thích tác thị ngữ °

thì thân tôi sẽ như vị Sa-môn 30 tuổi. Lúc Tu-ma-đề vừa nói lời này

形體顏色如年三十 °須摩提復謂文殊師利言 °

hình thể nhan sắc như niên tam thập °Tu-ma-đề phục vị Văn-thù-su-lợi ngôn °

thì hình thể nhan sắc như người 30 tuổi. Tu-ma-đề lại nói với Văn-thù-su-lợi rằng:

我作佛時 °令我國人皆作金色 °

ngã tác Phật thời °lệnh ngã quốc nhân giai tác kim sắc °

lúc tôi làm Phật, sẽ khiến người trong nước tôi có thân sắc vàng

地及城郭周匝有七寶樹 °令八重行七寶池水 °

địa cập thành quách châu tạp hữu thất bảo thụ °lệnh bát trọng hành thất bảo trì thủy °

đất và thành quách có cây bằng bảy báu vây quanh, có tám hàng cây nơi ao bảy báu,

四邊中外皆生七寶雜色蓮華 °及諸雜寶不多不少皆悉停等 °

tứ biên trung ngoại giai sanh thất bảo tạp sắc liên hoa °cập chu tạp bảo bất đa bất thiếu giai tất đình đẳng °

trong ngoài bốn bên đều có hoa sen bảy báu đủ màu sắc, và các thứ báu ấy đều bằng nhau không nhiều không ít.

須摩提言 °如仁之國 °我之刹土亦當如是 °

Tu-ma-đề ngôn °như nhân chi quốc °ngã chi sát độ diệc đương như thị °

Tu-ma-đề nói: Như cõi nước trang nghiêm của Ngài, cõi nước của tôi cũng sẽ như vậy

如我志誠 °諸在會者當作金色 °適作是語 °

như ngã chí thành °chư tại hội giả đương tác kim sắc °thích tác thị ngữ °

nếu lời tôi nói là chí thành thì những vị trong hội đây sẽ có thân sắc vàng. Lúc vừa nói lời này

應時眾會皆作金色 °時持地神即從地出 °

ứng thời chúng hội giai tác kim sắc °thời trì địa thần tức tòng địa xuất °

thì những người trong hội liền thành thân sắc vàng. Bấy giờ Địa Thần từ cõi đất vọt lên

化作天身舉聲稱揚歎須摩提言 °

hóa tác Thiên thân cử thanh xưng dương tán Tu-ma-đề ngôn °

hóa làm thân chư thiên và cất tiếng khen ngợi Tu-ma-đề rằng:

須摩提菩薩摩訶薩得作佛時 °國土所有七寶池水 °

Bồ-tát Tu-ma-đề Ma-Ha tát đặc tác Phật thời ° quốc thổ sở hữu thất bảo trì thùy °  
Lúc Bồ-tát Tu-ma-đề Ma-ha-tát thành Phật, thì cõi nước có ao bảy báu,  
樹及華實皆當如是。於是佛謂文殊師利。

thụ cập hoa thật giai đương như thị ° u thị Phật vị Văn-thù-su-lợi °  
cây và hoa trái cũng đều như vậy. Bấy giờ Phật bảo Văn-thù-su-lợi rằng:  
是須摩提菩薩摩訶薩不久當得作佛。

thị Bồ-tát Tu-ma-đề Ma-Ha tát bất cửu đương đặc tác Phật °  
Tu Bồ Đề Bồ-tát Ma-ha-tát này không bao lâu sẽ thành Phật

字名遠聞具足藏如來過四道不受平等覺興具足行安隱世

tự danh viễn văn cụ túc tạng Như-Lai quá tứ đạo bất thọ bình đẳng giác hưng cụ  
túc hành an ổn thế

hiệu là Viễn Văn Cụ Túc Tạng Như Lai, vượt qua bốn đạo quả Thanh văn, không còn  
thọ sanh nữa, chứng Bình đẳng giác tánh, tu đầy đủ các hạnh, làm an ổn thế gian,  
間天上天下無上大人。女意云何。法無所住。

gian Thiên thượng Thiên hạ vô thượng Đại nhân ° nữ ý vân hà ° Pháp vô sở trụ °  
là bậc Vô thượng giữa trời người. Ý người nghĩ thế nào? Pháp không có chỗ trú,  
豈有我名乎。答曰。不也天中天。於女意云何。

khởi hữu ngã danh hồ ° đáp viết ° bất dã Thiên trung Thiên ° u nữ ý vân hà °  
há có tên sao? Đáp rằng: thua Thế tôn không có. Hỏi: Ý người nghĩ thế nào  
其幻化者。豈有到後世復來者乎。答曰。

kỳ huyễn hóa giả ° khởi hữu đạo hậu thế phục lai giả hồ ° đáp viết °  
sự chuyển hóa ấy há có đời sau chăng? Đáp rằng:  
不也天中天。於女意云何。其幻化者。

bất dã Thiên trung Thiên ° u nữ ý vân hà ° kỳ huyễn hóa giả °  
Thua Thế Tôn không có. Hỏi: Ý người nghĩ thế nào, sự huyễn hóa ấy  
豈有所起所滅乎。答曰。不也天中天。於女意云何。

khởi hữu sở khởi sở diệt hồ ° đáp viết ° bất dã Thiên trung Thiên ° u nữ ý vân hà °  
há có chỗ khởi chỗ diệt sao? Đáp rằng: Thua Thế Tôn không có. Hỏi: Ý người nghĩ  
thế nào, sự huyễn hóa ấy  
其幻化者。豈有所有有形像乎。答曰。

kỳ huyễn hóa giả ° khởi hữu sở hữu hữu hình tượng hồ ° đáp viết °  
sự huyễn hóa ấy há có hình tượng sao? Đáp rằng:  
不也天中天。於女意云何。其幻化者。

bất dã Thiên trung Thiên ° u nữ ý vân hà ° kỳ huyễn hóa giả °  
Thua Thế Tôn không có. Hỏi: Ý người nghĩ thế nào, sự huyễn hóa ấy  
豈有見聞有幻無幻乎。答曰。不也天中天。其女曰。

khởi hữu kiến văn hữu huyễn vô huyễn hồ ° đáp viết ° bất dã Thiên trung Thiên ° kỳ  
nữ viết °

há có chỗ thấy nghe có huyễn không huyễn chăng? Đáp rằng: Thua Thế Tôn không có.  
Tu-ma-đề thưa:

佛言我曾聞之。其幻化者。無有見聞有幻無幻。

Phật ngôn ngã tăng văn chi ° kỳ huyễn hóa giả ° vô hữu kiến văn hữu huyễn vô  
huyễn °

Lời Phật dạy con từng nghe, sự huyễn hóa ấy không có chỗ thấy nghe có huyễn hay  
không huyễn

世尊又問。於女意云何。其幻化者。

Thế tôn hựu vấn ° u nữ ý vân hà ° kỳ huyễn hóa giả °

Thế Tôn lại hỏi: Ý người nghĩ thế nào? Sự huyễn hóa ấy

假使無身豈能令幻化發起諸行乎。女答曰。唯天中天。

giả sử vô thân khởi năng lệnh huyễn hóa phát khởi chư hành hồ ° nữ đáp viết ° duy  
Thiên trung Thiên °

giả sử không có thân, há có thể khiến huyền hóa phát khởi các sự việc chăng?

Đáp: Vâng, thua Thế Tôn!

其幻化者。實為如此真無所有。佛言如是。

kỳ huyền hóa giả. thật vi như thủ chân vô sở hữu. Phật ngôn như thị。

Sự huyền hóa ấy thật là không có. Phật đáp: Đúng vậy.

其無明者無內無外。計其法者。

kỳ vô minh giả vô nội vô ngoại. kế kỳ Pháp giả。

Sự vô minh không có trong ngoài, tính đếm pháp ấy

亦無所有亦無字也。其明者。不至後世亦無還反。其無明者。

diệc vô sở hữu diệc vô tự dã. kỳ minh giả. bất chí hậu thế diệc vô hoàn phản. kỳ vô minh giả。

cũng không chỗ có, cũng không danh tự. Vô minh ấy thì cũng không trở lại, không đợi đến đời sau. Sự vô minh ấy

亦無有起亦無有滅。其無明者。亦無形像。

diệc vô hữu khởi diệc vô hữu diệt. kỳ vô minh giả. diệc vô hình tượng。

cũng không khởi cũng không diệt. Sự vô minh cũng không có hình tượng

適興無明。緣致眾行。名色六入。

thích hưng vô minh. duyên trí chúng hành. danh sắc lục nhập。

vừa có vô minh thì liền duyên với các hành, rồi danh sắc, lục nhập,

更習痛愛受有。生老病死。勤苦愁惱大患集會。

canh tập thống ái thọ hữu. sanh lão bệnh tử. tinh cần khổ sầu não Đại hoạn tập hội。

lại sanh ái, thọ, hữu, sanh lão bệnh tử, ưu sầu khổ não tích tập

明女首意白佛言。甚為可奇。至未曾有。

minh nữ thủ ý bạch Phật ngôn. thậm vi khả kì. chí vị tăng hữu。

Tu-ma-đề bạch Phật rằng: Thật là kỳ diệu chưa từng có

世尊所興而不可及。所以者何。佛天中天。

Thế tôn sở hưng nhi bất khả cập. sở dĩ giả hà. Phật Thiên trung Thiên。

chỗ thuyết giảng của Thế Tôn không thể bì kịp. Tại vì sao? Phật là đấng Thiên trung thiên

於虛空中而轉法輪。法輪不可思議。所轉法輪不可稱限。

ư hư không trung nhi chuyển Pháp luân. Pháp luân bất khả tư nghị. sở chuyển Pháp luân bất khả xưng hạn。

ở nơi hư không mà chuyển pháp luân, pháp luân không thể nghĩ bàn, chỗ chuyển pháp luân cũng không có hạn lượng,

無量法輪。無獲法輪。無形法輪。無生法輪。

vô lượng Pháp luân. vô hoạch Pháp luân. vô hình Pháp luân. vô sanh Pháp luân。

như vô lượng pháp luân, vô hoạch pháp luân, vô hình pháp luân, vô sanh pháp luân

滅度法輪。世尊告曰。如是如是誠如所云。

diệt độ Pháp luân. Thế tôn cáo viết. như thị như thị thành như sở vân。

diệt độ pháp luân. Phật dạy: Đúng vậy đúng vậy, thật như lời người nói,

吾所轉輪為轉空輪。所轉法輪不可思議。

ngô sở chuyển luân vi chuyển không luân. sở chuyển Pháp luân bất khả tư nghị。

Ta chuyển pháp luân là chuyển không luân, chỗ chuyển pháp luân là không thể nghĩ bàn,

所轉法輪不可稱限。其可轉輪。

sở chuyển Pháp luân bất khả xưng hạn. kỳ khả chuyển luân。

chỗ chuyển pháp luân không có hạn lượng. Pháp luân ấy

無獲無形無生為滅度也。時首意女歡喜踊躍。善心生焉。

vô hoạch vô hình vô sanh vi diệt độ dã. thời thủ ý nữ hoan hi dũng dục. thiện tâm sanh yên。

là vô hoạch, vô hình, vô sanh, là diệt độ. Bấy giờ Tu-ma-đề hoan hỷ nhảy nhót, phát sanh tâm thiện,

則以栴檀香擣及諸華香供養散佛。

tắc dĩ chiên đàn hương đảo cập chư hoa hương cung dưỡng tán Phật。

liền dùng các thứ hương chiên đàn và hoa hương rải khắp để cúng dường Phật, rồi thưa rằng:

唯然世尊。以是德本深致擁護。而善救攝降伏諸根。

duy nhiên Thế tôn。dĩ thị đức bản thâm trí ủng hộ。nhi thiện cứu nhiếp hàng phục chư căn。

Do vậy thưa Thế Tôn, do gốc công đức sâu dày mà đưa đến sự ủng hộ, khéo léo hàng phục các căn

抑制愛欲速轉法輪。

ức chế ái dục đăi chuyển Pháp luân。

chế ngự ái dục đến chuyển pháp luân,

轉於空輪不思議輪不可稱限無量無獲無形無生滅度之輪。

chuyển ư không luân bất tư nghị luân bất khả xưng hạn vô lượng vô hoạch vô hình vô sanh diệt độ chi luân。

chuyển không luân không thể nghĩ bàn, không có hạn lượng, chuyển vô lượng luân, vô hoạch luân, vô hình luân, vô sanh diệt luân.

佛尋欣笑。五色青赤黃白綠光從口而出。

Phật tâm hân tiếu。ngũ sắc thanh xích hoàng bạch lục quang tòng khẩu nhi xuất。

Bấy giờ đức Phật liền mỉm cười, từ miệng phóng ra hào quang đủ năm màu xanh, đỏ, vàng, trắng lục

甚大光明普照十方無數佛國。

thậm Đại quang-minh phổ chiếu thập phương vô số Phật quốc。

hào quang ấy sáng rõ chiếu khắp mười phương vô số cõi Phật,

悉皆覆蔽日月之明。還繞佛身三匝從頂上人。賢者阿難。

tất giai phúc tế nhật nguyệt chi minh。hoàn nhiều Phật thân tam tạp tòng đỉnh thượng nhập。hiền giả A-nan。

che hết ánh sáng của mặt trời mặt trăng, hào quang xoay quanh Phật ba vòng rồi chiếu từ đỉnh đầu xuống. Bấy giờ có ngài A-nan

曉了七法。一曰知誼二曰解法。三曰曉時。

hiểu liễu thất Pháp。nhất viết tri nghị nhị viết giải Pháp。tam viết hiểu thời。

là người hiểu rõ bảy pháp: Một là biết nghị luận. Hai là hiểu rõ pháp. Ba là biết thời cơ

四曰了節。五曰明眾。六曰練己。七曰深識人本。

tứ viết liễu tiết。ngũ viết minh chúng。lục viết luyện kỷ。thất viết thâm thức nhân bản。

Bốn là rõ hạng lượng. Năm là hiểu rõ chúng. Sáu là thức liễm thân. Bảy là hiểu sâu cội nguồn,

即從座起更整衣服。

tức tòng tọa khởi canh chỉnh y phục。

ngài từ chỗ ngồi đứng dậy sửa sang y phục

偏袒右肩下右膝叉手白佛。今大聖欣笑為何感應。願說其意。

Thiên đàn hữu kiên hạ hữu tất xoa thủ bạch Phật。kim Đại Thánh hân tiếu vi hà cảm ứng。nguyện thuyết kỳ ý。

trịch áo bày vai hữu, gối hữu chắm đất, chấp tay bạch Phật rằng: Nay Đức Thế Tôn mỉm cười là có cảm ứng gì, xin Ngài nói ý nghĩa ấy.

唯天中天。多所愍傷多所安隱。

duy Thiên trung Thiên。đa sở mẫn thương đa sở an ổn。

Chỉ có Thế Tôn có nhiều sự thương xót, nhiều sự an ổn,

哀念諸天世間人民。分別說之。佛告阿難爾見梵志女首意。



ai niệm chu Thiên thể gian nhân dân ° phân biệt thuyết chi ° Phật cáo A-nan nhĩ kiến phạm chí nữ thù ý °  
thương nhớ đến chu thiên và loài người, xin ngài phân biệt diễn thuyết. Phật bảo A-nan: Ông thấy Tu-ma-đề con gái của Phạm chí  
以末栴檀華香擣香。供養散佛乎。  
dĩ mật chiên đàn hoa hương đảo hương ° cung dưỡng tán Phật hồ °  
dùng bột hương chiên đàn để rải quanh Phật cúng dường chăng?  
其心誓願速轉法輪。對曰已見。佛言是女以斯德本。  
kỳ tâm thệ nguyện đãi chuyển Pháp luân ° đối viết dĩ kiến ° Phật ngôn thị nữ dĩ tu đức bản °  
tâm ấy thệ nguyện sẽ chuyển pháp luân. A-nan đáp: Đã thấy. Phật dạy. Người nữ này dùng công đức đã gieo  
護已安人多所救攝。壽終之後當轉女身。  
hộ kỹ an nhân đa sở cứu nhiếp ° thọ chung chi hậu đương chuyển nữ thân °  
để vệ hộ thân, làm an ổn cho người, cứu hộ nhiếp thọ nhiều người, sau khi mạng chung sẽ chuyển thân nữ,  
至八十四億劫不歸惡趣。供養六萬諸佛世尊。  
chí bát thập tứ ức kiếp bất quy ác thú ° cung dưỡng lục vạn chu Phật Thế tôn °  
trải qua tám mươi bốn ức kiếp không quay trở lại đường ác, được cúng dường sáu vạn chu Phật Thế Tôn,  
出家為道志于沙門。聽受經法。  
xuất gia vi đạo chí vu Sa-môn ° thính thọ Kinh Pháp °  
rời xuất gia là Sa-môn, lãnh thọ kinh pháp  
受經法已即時諷誦。將御如來現在正法。  
thọ Kinh Pháp dĩ tức thời phúng tụng ° tướng ngự Như-Lai hiện tại chánh Pháp °  
lãnh thọ rồi liền đọc tụng, sẽ nắm giữ chánh pháp của Như Lai trong hiện tại, Phật độ hậu cung dưỡng舍利 ° 勸化無數無量眾生不可計會 °  
Phật diệt độ hậu cung dưỡng Xá-lợi ° khuyên hóa vô số vô lượng chúng sanh bất khả kể hội °  
Sau khi Phật diệt độ thì cúng dường xá lợi, giáo hóa vô lượng vô số chúng sanh không thể tính kể,  
使立無上正真之道。恒以善意奉持要法。號天中天。  
sử lập vô thượng chánh chân chi đạo ° hằng dĩ thiện ý phụng trì yếu Pháp ° hiệu Thiên trung Thiên °  
kiến lập đạo Vô Thượng Chánh Giác, thường dùng tâm thiện phụng trì pháp yếu, hiệu là Thiên Trung Thiên.  
佛說是經授須摩提菴時。  
Phật thuyết thị Kinh thụ Tu-ma-đề 菴 thời °  
Lúc Phật thuyết kinh Tu-ma-đề này rồi,  
三十億人發無上平等度意。皆得阿惟越致。  
tam thập ức nhân phát vô thượng bình đẳng độ ý ° giai đắc a duy việt trí °  
có ba mươi người phát tâm Vô Thượng Bình Đẳng Giác, đều đắc quả A-duy-việt-trí, 六萬天子悉得法眼生 °  
lục vạn Thiên tử tất đắc Pháp Pháp nhãn sanh °  
sáu vạn thiên tử đều đắc vô sanh pháp nhãn.  
座中有五百菩薩聞文殊師利所問甚深。意用不解中欲墮落。  
tọa trung hữu ngũ bách Bồ-tát văn Văn-thù-sư-lợi sở vấn thậm thâm ° ý dụng bất giải trung dục đọa lạc °  
Trong hội lúc ấy có năm trăm vị Bồ-tát nghe ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi ý nghĩa thâm sâu, thì thấy không hiểu ủa muốn thối lui,  
見須摩提所說至誠尋皆有應。即解身衣以用上佛 °

kiến Tu-ma-đề sở thuyết chí thành tâm giai hữu ứng ° túc giải thân y dĩ dụng thượng Phật °

sau nghe Tu-ma-đề thuyết giảng chí thành thì tất cả đều có cảm ứng, họ liền cỡi y trên thân để dâng lên Phật

亦不論諂無所悞望 ° 持功德用自堅固 °

diệc bất dụ siểm vô sở hi vọng ° trì công đức dụng tự kiên cố °

mà không có tâm xu nịnh, cũng không mong cầu, đem công đức kiên cố này  
於無上平等度意 ° 即得住阿惟越致 °

ư vô thượng bình đẳng độ ý ° túc đắc trụ a duy việt trí °

để nơi đạo vô thượng bình đẳng, túc thời liền trụ nơi địa vị A-duy-việt-trí,  
超九十劫不復生死 ° 時佛授與五百人決 ° 却後十劫 °

siêu cửu thập kiếp bất phục sinh tử ° thời Phật thụ dữ ngũ bách nhân quyết ° khước hậu thập kiếp °

vượt qua chín mươi kiếp không thọ sinh tử ° Bấy giờ Phật thọ ký cho năm trăm vị ấy sau mười kiếp,

劫名無塵垢 ° 佛號固受如來 過四道不受平等覺 °

kiếp danh vô trần cấu ° Phật hiệu cố thọ Như-Lai quá tứ đạo bất thọ bình đẳng giác °

có kiếp tên là vô Trần Cấu, có Phật hiệu là Cố Thọ Như Lai, trải qua bốn đạo chẳng thọ bình đẳng giác °

是五百人等當生彼國 ° 國名焰氣 °

thị ngũ bách nhân đẳng đương sinh bi quốc ° quốc danh diệm khí °

Năm trăm vị này sẽ sinh vào nước Phật ấy, cõi nước tên là Diệm Khí  
當同一劫俱得作佛 °

đương đồng nhất kiếp câu đắc tác Phật °

đang đồng một kiếp đều được làm Phật °

皆同一字號莊飾豫知人意如來 過四道不受平等之道最正覺 °

giai đồng nhất tự hiệu trang sức dự tri nhân ý Như-Lai quá tứ đạo bất thọ bình đẳng chí đạo tối chánh giác °

đều đồng một hiệu là Trang Sức Dự Tri Nhân Ý Như Lai, trải qua bốn đạo chẳng thọ pháp không bình đẳng thì đắc đạo Tối thượng Chánh Đẳng °

佛謂文殊師利 ° 乃知是經多所饒益如是不乎 °

Phật vị Văn-thù-su-lợi ° nãi tri thị Kinh đa sở nhiều ích như thị bất hồ °

Phật bảo Văn-thù-su-lợi: Phải biết kinh này có nhiều lợi ích như vậy,

若今最後有菩薩摩訶薩及沙門 ° 若善男子善女人等 °

nhược kim tối hậu hữu Bồ-tát Ma-Ha tát cập Sa-môn ° nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân đẳng °

từ nay về sau nếu có vị Bồ-tát Ma-ha-tát và Sa-môn, thiện nam tử thiện nữ nhơn . . .

求菩薩道奉行六波羅蜜 ° 未曉漚和拘舍羅 °

cầu Bồ-tát đạo phụng hành lục ba la mật ° vị hiểu ầu hòa câu xá la °

cầu đạo Bồ-tát mà thực hành sáu pháp Ba-la-mật, chưa hiểu rõ phương tiện thắng trí,

不如書持是經諷誦讀轉 °

bất như thư trì thị Kinh phúng tụng độc chuyển °

thì không bằng biên chép thọ trì kinh này, đọc tụng truyền bá

復教人常念其中事 ° 諸欲聞者廣為解說 ° 佛復語文殊師利 °

phục giáo nhân thường niệm kỳ trung sự ° chư dực văn giả quảng vi giải thuyết ° Phật phục ngữ Văn-thù-su-lợi °

lại dạy mọi người thường nhớ nghĩ các việc trên, có người muốn nghe liền rộng diễn thuyết ° Phật lại bảo Văn-thù-su-lợi:

前所不聞本所不行 °

tiền sở bất văn bản sở bất hành。

Có người trước đây chưa nghe, vốn chưa thực hành

如是等輩菩薩者當念習持。所以者何。譬如遮迦越王治於世時。

như thị đẳng bối Bồ-tát giả đương niệm tập trì。sở dĩ giả hà。thí như giả ca  
việt Vương trì u thế thời。

như vậy các hạng Bồ-tát ấy phải nhớ tu tập hành trì. Tại vì sao? Thí như lúc vua

Già-ca-việt cai trị đất nước

至竟七寶不為缺減。其王壽終七寶為散。

chí cánh thất bảo bất vi khuyết giảm。kỳ Vương thọ chung thất bảo vi tán。

thì luôn có bảy báu không hề thiếu sót, lúc vua ấy mạng chung lại có bảy báu rải  
khắp.

如是文殊師利。若佛經道住於世者。

như thị Văn-thù-su-lợi。nhược Phật kinh đạo trụ u thế giả。

Như vậy Văn-thù-su-lợi, nếu kinh Phật thường trụ nơi thế gian

佛七覺意終不為減。若佛法滅。覺意諸法皆為乏盡。

Phật thất giác ý chung bất vi giảm。nhược Phật Pháp diệt。giác ý chư Pháp giai  
vi phạp tận。

thì đạo Thất giác ý trọn không suy giảm. Nếu Phật pháp diệt thì các pháp Giác Ý  
đều bị mất sạch.

佛謂文殊師利。當求無數方便具索諸經。

Phật vị Văn-thù-su-lợi。đương cầu vô số phương tiện cụ tác chư Kinh。

Phật bảo Văn-thù-su-lợi: Phải tìm vô số phương tiện để tìm đủ các kinh,

勤學書持為他人說。教授一切廣解其義。

tinh cần học thư trì vi tha nhân thuyết。giáo thọ nhất thiết quảng giải kỳ  
nghĩa。

siêng năng biên chép thị trì, vì người diễn thuyết, dạy dỗ tất cả, rộng giảng ý  
nghĩa,

常當精進是為法教。

thường đương tinh tấn thị vi Pháp giáo。

thường sẽ tinh tấn thị làm Pháp giáo。

thường phải tinh tấn, đó là lời dạy của pháp.

善男子善女人欲求佛道者莫中有悔。佛說經已。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dục cầu Phật đạo giả mạc trung hữu hối。Phật thuyết  
Kinh dĩ。

Thiện nam tử thiện nữ nphon muốn cầu Phật đạo thì chớ thối lui giữa chừng. Phật  
thuyết kinh này rồi,

須摩提菩薩文殊師利菩薩摩訶目乾連等。諸天及人其在會者。

Bồ-tát Tu-ma-đề Văn-thù-su-lợi Bồ-tát Ma-Ha Mục-Kiền-Liên đẳng。chư Thiên cập  
nhân kỳ tại hội giả。

thì Bồ-tát Tu-ma-đề, Bồ-tát Văn-thù-su-lợi, Ma-ha Mục-kiền-liên... cùng chư  
thiên loài người trong đại hội

阿須羅撻查和持世者。皆歡喜樂聞。

a tu la kiên đạp hòa trì thế giả。giai hoan hi lạc văn。

A-tu-la, Kiên-đạp-hòa, đều hoan hỷ nghe theo phụng hành.

佛說須摩提菩薩經

Phật thuyết Bồ-tát Tu-ma-đề Kinh

Phật thuyết Bồ-tát Tu-ma-đề kinh.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch  
Sun Apr 30 21: 50: 32 2006

=====